

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HC-ST

Ngày: 05-9-2024

*“v/v khiếu kiện quyết định hành
chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang và bà Phạm Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2024/TLST-HC ngày 15 tháng 3 năm 2024 về *“khiếu kiện quyết định hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HC ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số A N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Hoàng Thị Mai H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà A, đường T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Chu Thanh N - Luật sư, Văn phòng Luật sư Chu Văn C, Đoàn Luật sư tỉnh H. Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu H1 - Phó Chủ tịch UBND huyện K. Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu H1 - Phó Chủ tịch UBND huyện K. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Chủ tịch UBND thị trấn P. Có mặt.

2. Ông Vũ Đình H2, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số A N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H2: Bà Hoàng Thị Mai H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà A, đường T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Phạm Thị L; người đại diện theo ủy quyền bà Hoàng Thị Mai H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Chu Thanh N trình bày:

Thực hiện dự án thành phần nâng cao hiệu quả khai thác Quốc lộ E giai đoạn 2 năm 2003, UBND huyện K đã thu hồi của gia đình ông Vũ Đình H2, bà Phạm Thị L diện tích đất là 47m² (trong có 4,1m² đất ở, 42,9m² là đất vườn) thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 14 tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Ngay trong năm 2003, gia đình bà L đã nhận đủ tiền bồi thường về đất và các tài sản gắn liền với đất. Diện tích còn lại không bị thu hồi là 75,9m² đất ở. Thời điểm đó địa phương có thông báo đối với các hộ có diện tích đất còn lại sau thu hồi dưới 100m² thì được cấp đất tái định cư nên ông H2 (là chồng bà L) đã có đơn đề nghị và có tên trong danh sách đề nghị cấp đất tái định cư do UBND thị trấn P lập. Năm 25/5/2004, ông H2, bà L đã nộp số tiền 30 triệu đồng và được cấp 01 suất đất tái định cư diện tích 90m² thuộc thửa số 107, tờ bản đồ số 6, tại khu vực Đ, thị trấn P, huyện K theo Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 08/12/2003 của UBND huyện K. Ngày 20/6/2004, gia đình bà L được nhận bàn giao diện tích đất trên. Hiện trạng khi nhận bàn giao là đất ao nên gia đình đã tiến hành mua cát để san lấp mặt bằng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà L chưa xây dựng công trình gì trên đất.

Trên phần diện tích đất còn lại 75,9m², ông H2, bà L đã xây dựng lại 01 nhà cấp 4, 01 lò bánh mì để tiếp tục ở và làm ăn kinh tế. Ngày 21/12/2007, UBND huyện K đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) đối với diện tích 75,9m² đất ở đô thị, thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 14 tại thôn A, thị trấn P, huyện K mang tên ông H2, bà L; tài sản gắn liền với đất có nhà ở cấp 4, diện tích 38m².

Năm 2009, UBND huyện K đã thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư Đ, thị trấn P, trong đó có thu hồi diện tích đất tái định cư 90m² đã giao cho

vợ chồng bà L. Tuy nhiên ông H2, bà L không nhận được thông báo, quyết định thu hồi đất của UBND huyện K và không được bồi thường. Ông H2, bà L đã nhiều lần làm đơn khiếu nại, đề nghị về việc giao đất tái định cư nhưng đến nay chưa được giải quyết dứt điểm. Ngày 28/9/2023, UBND huyện K ban hành Công văn số 2733/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của ông H2 với nội dung xác định gia đình ông H2, bà L không đủ điều kiện được giao đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất vào năm 2003 với lý do “*diện tích đất còn lại sau khi dự án chiếm dụng 75,9m², chiều sâu thửa đất vẫn đảm bảo để xây dựng nhà ở*”. Bà L không nhất trí với Công văn số 2733 của UBND huyện K vì trong 75,9m² đất ở được cấp GCNQSDĐ thì có 37m² đất nằm trong hành lang giao thông không được xây dựng công trình. Diện tích được xây dựng chỉ có 38,9m² (trong đó có 16,8m² đất có chiều rộng 2m, chiều dài 8,4m, diện tích này chỉ sử dụng làm được ngõ đi vào không xây được công trình nhà ở). Như vậy diện tích đất có thể xây dựng được chỉ còn 22,1m² nên không đảm bảo việc sinh hoạt của gia đình bà L. Sau khi được giao đất tái định cư, bà L không nhận được thông báo nào của cơ quan có thẩm quyền về việc gia đình bà không đủ điều kiện để cấp đất tái định cư. UBND huyện K cũng không có quyết định thu hồi lại diện tích đất đã giao. Do quyền lợi bị xâm phạm nên ngày 20/11/2023 bà L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đề nghị Tòa án: Hủy Công văn số 2733/UBND-TNMT ngày 28/9/2023 của UBND huyện K về việc trả lời đơn đề nghị của ông Vũ Đình H2 về hỗ trợ tái định cư; buộc UBND huyện K phải thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về việc thu hồi đất và bồi thường quyền sử dụng đất khi bị thu hồi đối với thửa số 107, tờ bản đồ số 6, diện tích 90m² tại khu vực Đ, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Ngày 26/7/2024, bà L có đơn khởi kiện bổ sung với nội dung trong trường hợp gia đình bà L không đủ điều kiện để cấp đất tái định cư theo Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 08/12/2003 của UBND huyện K, đề nghị TAND tỉnh Hải Dương xem xét hủy Quyết định này đồng thời buộc UBND huyện K phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình bà giá trị quyền sử dụng thửa đất số 107, tờ bản đồ số 06, diện tích 90m², địa chỉ: khu V, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương (theo Biên bản bàn giao đất ngày 20/06/2004), cụ thể số tiền bồi thường là 2.000.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn Hữu HI - Phó Chủ tịch UBND huyện K trình bày:

1. Đối với yêu cầu hủy Công văn số 2733/UBND-TNMT ngày 28/9/2023 của UBND huyện K về việc trả lời đơn đề nghị của ông Vũ Đình H2:

Năm 2003, UBND huyện K đã thu hồi của gia đình ông Vũ Đình H2, bà Phạm Thị L diện tích đất là 47m², trong có 4,1m² đất ở, còn lại 42,9m² là đất vườn

để thực hiện dự án xây dựng công trình nâng cao hiệu quả khai thác Quốc lộ E giai đoạn 2. Gia đình bà L đã nhận xong tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất, cây cối hoa màu và tài sản trên phần đất bị thu hồi, tổng cộng là 20.313.217 đồng vào năm 2004 và không có ý kiến gì về việc bồi thường này. Diện tích đất hợp pháp còn lại của gia đình là 75,9m² đất ở. Ngày 21/12/2007, UBND huyện K cấp GCNQSDĐ đối với thửa số 04, tờ bản đồ số 14, diện tích 75,9m² mang tên ông Vũ Đình H2, bà Phạm Thị L. Theo hồ sơ cấp GCNQSDĐ thì trong 75,9m² được cấp GCNQSDĐ có 37m² đất nằm trong hành lang bảo vệ đường gom Quốc lộ E. Còn lại 38,9m² không phạm vào hành lang an toàn giao thông. Sau khi làm đường gom thì quy định về hành lang đường mới hình thành.

Về hồ sơ giao đất tái định cư: Ngày 05/11/2003, UBND thị trấn P lập Danh sách có 22 hộ đăng ký xin giao đất để làm nhà ở, trong đó có hộ ông H2. Ngày 25/3/2004, Hội đồng đăng ký đất đai thị trấn P tổ chức xét duyệt cho 13 hộ và đề nghị UBND huyện K ban hành Quyết định giao đất cho các hộ, nhưng không có hộ ông H2. Ngày 20/5/2004, UBND thị trấn P lập danh sách các hộ đề nghị được giao đất ra khu tái định cư gồm 16 hộ, trong đó có hộ ông H2. Ngày 25/5/2004, hộ ông H2 nộp 30 triệu đồng cho UBND thị trấn P thể hiện tại phiếu thu số 81, lý do nộp: tiền cấp quyền sử dụng đất tái định cư. Số tiền này UBND thị trấn P đã nộp kho bạc. Ngày 16/6/2004, Ban giải phóng mặt bằng Quốc lộ 5 huyện K ban hành Thông báo số 25 về việc giao đất cho 13 hộ gia đình sử dụng đất hợp pháp bị thu hồi, diện tích không đủ điều kiện để xây dựng nhà ở (trong đó có hộ ông Vũ Đình H2). Ngày 20/6/2004, phòng Địa chính huyện và UBND thị trấn P giao đất cho các hộ, trong đó có giao đất tái định cư cho hộ ông Vũ Đình H2, diện tích 90,0m², thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 06, tỷ lệ 1/500.

Ngày 30/7/2005, Tổ công tác Huyện ủy K1 đã thực hiện việc xác minh theo đơn kiến nghị của Đảng viên Chi bộ C, thôn A, thị trấn P và có Báo cáo kết quả xác minh như sau:

Tại mục kết luận: “Việc UBND Thị trấn P, Phòng Địa chính đã giao đất tái định cư cho 13 hộ (Hội đồng quản lý đất đai của thị trấn xét đề nghị được 11 hộ), còn 02 hộ là ông Vũ Đình H2 và Nguyễn Văn K chưa được Hội đồng quản lý đất đai thị trấn xem xét như các trường hợp khác là không đảm bảo quy định”;

Tại mục kiến nghị: “Đối với hộ ông Vũ Đình H2 và hộ ông Nguyễn Văn K được UBND Thị trấn P và Phòng địa chính giao đất chưa qua Hội đồng quản lý đất đai Thị trấn P đề nghị nay chuyển về cho Hội đồng Thị trấn P xét theo quy định, nếu có đủ điều kiện giao đất tái định cư thì làm thủ tục đề nghị UBND huyện giữ nguyên quyết định”.

Thực hiện kiến nghị của Tổ công tác Huyện ủy K1, ngày 16/01/2006, Hội đồng đăng ký đất đai thị trấn P tiếp tục tổ chức xét duyệt cho 8 hộ, trong đó có hộ ông H2. Tại Biên bản xét duyệt thể hiện: Trường hợp hộ ông Vũ Đình H2 (nguồn gốc: do chi dâu tách cho năm 1995). Tổng diện tích thửa đất: 122,9m²; Diện tích đường chiếm dụng: 47,0m²; Diện tích hợp pháp còn lại: 75,9m², có kích thước các cạnh: phía Bắc giáp đường trục phố 5,0m, phía Nam giáp đường xóm và hộ giáp ranh (cạnh giáp đường xóm 2,0m, cạnh hộ giáp ranh 3,2m), phía Tây 2 cạnh (cạnh dài 13,5m và cạnh dài 8,4m), phía Đông dài 20,3m. Căn cứ vào diện tích đất ở còn lại của gia đình và chiều sâu của thửa đất, Hội đồng đăng ký đất đai thị trấn P kiến nghị UBND huyện ra Quyết định thu hồi diện tích đất tái định cư của hộ ông Vũ Đình H2.

Như vậy Kết quả xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai thị trấn P ngày 16/01/2006 xác định hộ ông H2, bà L không đủ điều kiện được giao đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường gom tại thị trấn P là đúng quy định. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đề nghị hủy Công văn số 2733/UBND-TNMT ngày 28/9/2023 của UBND huyện K về việc trả lời đơn đề nghị của ông Vũ Đình H2.

2. Đối với yêu cầu buộc UBND huyện K, tỉnh Hải Dương phải thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật về việc thu hồi đất và bồi thường quyền sử dụng đất khi bị thu hồi đối với thửa đất số 107 tờ bản đồ số 06, diện tích 90,0m²; địa chỉ: khu V, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương: Năm 2009, UBND huyện K ban hành quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư Đ, có danh sách các hộ có đất bị thu hồi kèm theo. Trong danh sách không có tên của gia đình ông H2, bà L. Khi thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư Đ, UBND thị trấn P đã tiến hành xét duyệt nguồn gốc đất, trong đó xác định thửa đất ông H2, bà L đề nghị được bồi thường thuộc thửa số 61 và 62, tờ bản đồ số 6 (theo bản trích lục đo vẽ và chỉnh lý bổ sung bản đồ địa chính năm 2003), loại đất ao nông nghiệp và đất thổ cư không hợp pháp, thuộc quản lý của UBND thị trấn P, không phải đất của gia đình bà L, ông H2. Do vậy UBND huyện K không nhất trí yêu cầu khởi kiện này của gia đình bà L.

3. Đối với yêu cầu đề nghị hủy Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 08/12/2003 của UBND huyện K: Sau ngày Hội đồng đăng ký đất đai thị trấn P xét duyệt về việc cấp đất tái định cư cho hộ ông H2 vào ngày 16/01/2006 đến nay, UBND huyện K chưa ban hành Quyết định về việc hủy bỏ, sửa đổi Quyết định số 627 về việc giao đất cho nhân dân làm nhà ở, trong đó có giao đất cho hộ ông H2. Do gia đình ông H2, bà L không đủ điều kiện để được cấp đất tái định cư nên đề nghị hủy Quyết định số 627/QĐ-UBND của bà L là có cơ sở. Đối với yêu cầu bồi

thường thiệt hại, UBND huyện K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thị trấn P nhất trí với ý kiến trình bày của đại diện UBND huyện K.

Tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là ông Chu Thanh N trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là hủy một phần Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 08/12/2003 của UBND huyện K và yêu cầu UBND huyện K phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà L với số tiền là 01 tỷ đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Hoàng Thị Mai H nhất trí với ý kiến trình bày của ông Chu Thanh N.

Người đại diện của UBND huyện K trình bày: Không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của bà L là đề nghị hủy Công văn số 2733/UBND-TNMT ngày 28/9/2023 của UBND huyện K và buộc UBND huyện K phải thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về việc thu hồi đất và bồi thường quyền sử dụng đất khi bị thu hồi đối với thửa số 107, tờ bản đồ số 6, diện tích 90m² tại khu vực Đ, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do gia đình bà L không đủ điều kiện để được cấp đất tái định cư nên việc UBND huyện K đã căn cứ Quyết định số 627/QĐ-UBND để giao đất tái định cư cho gia đình bà L là chưa đúng, bà L khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 627 là có cơ sở. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của UBND thị trấn P nhất trí với ý kiến trình bày của đại diện UBND huyện K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của pháp luật tổ tụng hành chính. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a, c khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 66 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về nội dung đề nghị:

- Hủy Công văn số 2733/UBND-TNMT ngày 28/09/2023 của Chủ tịch UBND huyện K về việc “*Trả lời đơn đề nghị của ông Vũ Đình H2 về hỗ trợ tái định cư*”.

- Buộc UBND huyện K, tỉnh Hải Dương phải thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật về việc thu hồi đất và bồi thường quyền sử dụng đất khi bị thu hồi đối với thửa đất số 107 tờ bản đồ số 06, diện tích 90,0m²; địa chỉ: khu V, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà L về nội dung đề nghị:

- Hủy một phần Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 08/12/2003 của UBND huyện K liên quan đến việc giao đất tái định cư cho gia đình ông H2, bà L.

- Chấp nhận sự tự nguyện của người khởi kiện, buộc UBND huyện K có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà L số tiền 1 tỷ đồng.

3. Về án phí: Bà L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND huyện K phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các đương sự và các quy định pháp luật hiện hành, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện:

[1.1.1] Bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 2733/UBND-TNMT ngày 28/09/2023 của Chủ tịch UBND huyện K; buộc UBND huyện K phải thực hiện trình tự thủ tục thu hồi đất và bồi thường đối với diện tích đất tái định cư đã thu hồi của gia đình bà; trường hợp gia đình bà không đủ điều kiện tái định cư thì đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 08/12/2003 của UBND huyện K về việc giao đất cho nhân dân làm nhà ở. Các quyết định hành chính nêu trên đã xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà L nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính thì Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.1.2] Đối với yêu cầu buộc UBND huyện K phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà L với số tiền là 2.000.000.000đồng; tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị UBND huyện K bồi thường thiệt hại số tiền

1.000.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 7 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương sẽ xem xét, giải quyết trong cùng vụ án.

[1.2] Về việc xác định người bị kiện: Tại Đơn khởi kiện, bà L xác định người bị kiện là UBND huyện K. Tuy nhiên, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, HĐXX xác định người bị kiện gồm Chủ tịch UBND huyện K và UBND huyện K theo quy định tại khoản 9 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 20/11/2023, bà L có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Như vậy, việc khởi kiện của bà L được xác định là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Tại phiên tòa, người khởi kiện là bà Phạm Thị L, người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Đình H2 vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền nên căn cứ Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L đề nghị hủy Công văn số 2733/UBND-TNMT ngày 28/09/2023 của Chủ tịch UBND huyện K về việc trả lời đơn của ông Vũ Đình H2:

[2.1] Về thẩm quyền: UBND huyện K nhận được Đơn đề nghị của ông Vũ Đình H2 (là chồng bà Phạm Thị L) với nội dung đề nghị UBND huyện K giải quyết về việc giao đất tái định cư cho gia đình ông, một số gia đình có diện tích đất còn lại (sau khi dự án chiếm dụng) lớn hơn của gia đình ông H2 nhưng vẫn được bố trí tái định cư. Xét các đề nghị của ông H2 bản chất là khiếu nại việc giao đất tái định cư của UBND huyện K nên cần xác định đây là đơn khiếu nại. Công văn số 2733 ngày 28/9/2023 do Phó Chủ tịch UBND huyện K ký thay mặt Chủ tịch UBND huyện K trả lời là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 của Luật Khiếu nại.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành: Sau khi nhận được đơn của ông H2, UBND huyện K không tiến hành thụ lý và thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại cho ông H2 biết là vi phạm quy định tại Điều 27 của Luật Khiếu nại và Điều 16 mục 1 Chương IV Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Văn bản trả lời đơn được ban hành dưới hình thức công văn trả lời mà không ra Quyết định giải quyết khiếu nại là vi phạm quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại.

[2.3] Về nội dung: Thực hiện dự án thành phần nâng cao hiệu quả khai thác Quốc lộ E giai đoạn 2 năm 2003, UBND huyện K đã thu hồi của gia đình ông Vũ Đình H2, bà Phạm Thị L diện tích đất là 47m² (trong có 4,1m² đất ở và 42,9m² là

đất vườn) thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 14 (theo hồ sơ đo đạc năm 2001) tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ quy định: “Đất bị thu hồi là đất ở thì được đền bù thiệt hại bằng tiền, nhà ở hoặc đất ở tại khu tái định cư. Diện tích đất ở đền bù cho mỗi hộ gia đình theo hạn mức đất ở do ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định, nhưng không vượt quá diện tích của đất bị thu hồi; mức tối đa được đền bù thiệt hại bằng đất tại nơi ở mới do ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cho phù hợp với pháp luật về đất đai. Trong trường hợp đất ở bị thu hồi lớn hơn diện tích đất ở được đền bù thì người bị thu hồi đất ở có thể được đền bù thêm một phần diện tích đất ở tùy theo quỹ đất của địa phương, phần còn lại thì được đền bù bằng tiền. Trường hợp đất ở bị thu hồi nhỏ hơn diện tích đất được đền bù, người được đền bù phải nộp tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất chênh lệch đó”.

Tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ quy định: “Trường hợp diện tích đất còn lại sau thu hồi nhỏ hơn diện tích theo mức quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Nghị định này, nếu chủ sử dụng đất có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì được giữ lại, nhưng phải sử dụng theo quy hoạch; trường hợp phần diện tích đất ở còn lại không đủ để xây dựng nhà ở, thì khuyến khích họ chuyển nhượng cho hộ lân cận hoặc yêu cầu Nhà nước thu hồi phần diện tích này và được đền bù như phần đất bị thu hồi”.

Theo phương án bồi thường về đất số 16 ngày 08/12/2003; phương án bồi thường di chuyển tài sản, cây cối hoa màu ngày 18/6/2003 và ngày 15/12/2003 của Ban G thì tổng số tiền gia đình bà L được bồi thường, hỗ trợ về đất và các tài sản gắn liền với đất là 20.313.217 đồng. Gia đình bà L đã nhận đủ tiền bồi thường, đã bàn giao đất để thực hiện dự án và không có ý kiến gì về việc bồi thường này. Sau thu hồi, diện tích đất hợp pháp còn lại của gia đình bà L là 75,9m² đất ở, có kích thước các cạnh: phía Bắc giáp đường trục phố dài 5,0m, phía Nam giáp đường xóm và hộ giáp ranh (cạnh giáp đường xóm dài 2,0m, cạnh giáp hộ giáp ranh dài 3,2m), phía Tây 2 cạnh (cạnh dài 13,5m và cạnh dài 8,4m), phía Đông dài 20,3m. Ngày 21/12/2007, UBND huyện K đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 4, tờ bản đồ số 14, diện tích 75,9m² đất ở đô thị tại thôn A, thị trấn P, huyện K mang tên ông Vũ Đình H2 và bà Phạm Thị L. Trên phần đất này gia đình bà L đã xây lại nhà cấp 4, diện tích 38m² từ trước năm 2007, tiếp tục sử dụng để ở và làm ăn kinh tế. Do vậy, hộ ông H2, bà L không đủ điều kiện được giao đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng đường gom thị trấn P.

[2.4] Như vậy, Công văn số 2733 của Chủ tịch UBND huyện K, tuy có sai sót về trình tự, thủ tục nhưng đúng về thẩm quyền ban hành và nội dung giải quyết đúng quy định của pháp luật nên không cần thiết phải hủy bỏ Công văn này. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, đề nghị hủy Công văn số 2733/UBND-TNMT ngày 28/09/2023 của Chủ tịch UBND huyện K.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc UBND huyện K thực hiện trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về thu hồi đất và bồi thường QSDĐ khi bị thu hồi thửa đất thửa số 107, tờ bản đồ số 06, diện tích 90m² (theo Biên bản bàn giao đất ngày 20/06/2004). Trong trường hợp gia đình bà L không đủ điều kiện để cấp đất tái định cư theo Quyết định số: 627/QĐ-UBND ngày 08/12/2003 của UBND huyện K thì đề nghị TAND tỉnh Hải Dương hủy Quyết định 627/QĐ-UBND, yêu cầu bồi thường thiệt hại cho gia đình bà L số tiền 01 tỷ đồng:

[3.1] Xét Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 08/12/2003 của UBND huyện K về việc giao đất cho nhân dân làm nhà ở (gọi tắt là Quyết định 627/QĐ-UBND):

[3.1.1] Về thẩm quyền, trình tự ban hành: Ngày 05/11/2003, UBND thị trấn P lập danh sách 22 hộ đăng ký xin giao đất để làm nhà ở; căn cứ vào Trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất; Biên bản thẩm định hồ sơ đất đai ngày 08/12/2003; Tờ trình số 17/TT-UB ngày 08/12/2003 của UBND thị trấn P và Tờ trình số 50/TT-ĐC ngày 08/12/2003 của Phòng Địa chính huyện K, ngày 08/12/2003 UBND huyện K ban hành Quyết định số 627/QĐ-UB về việc giao đất cho nhân dân làm nhà ở là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 2001 và Nghị định số 88/CP ngày 17 tháng 8 năm 1994 của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất đô thị.

[3.1.2] Về nội dung Quyết định: Theo hồ sơ giao đất tái định cư thể hiện sau khi bị thu hồi đất, ông H2 (chồng bà L) đã có đề nghị cấp đất tái định cư. Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-UBND của UBND huyện K về việc giao đất cho nhân dân làm nhà ở, ngày 25/3/2004 Hội đồng quản lý đất đai thị trấn P đã tổ chức xét duyệt những hộ đủ tiêu chuẩn để ra khu tái định cư mới. Tại buổi làm việc này, Hội đồng đã nhất trí đề nghị UBND huyện, phòng Địa chính huyện K giao đất cho 13 hộ nhưng không có tên của hộ ông Vũ Đình H2 được xét cấp đất tái định cư. Tại Công văn số 60/CV-UB ngày 30/3/2004 của UBND huyện K thể hiện chỉ có 11 hộ phải tháo dỡ di chuyển công trình nhà ở ra ngoài vị trí cũ, chuyển đến nơi tái định cư, không có hộ ông Vũ Đình H2.

Tuy nhiên ngày 20/5/2004, Hội đồng giải phóng mặt bằng Quốc lộ E, Phòng Địa chính, UBND thị trấn P đã ký vào danh sách các hộ đề nghị được giao

đất ra khu tái định cư, tổng số 16 hộ, trong đó có hộ ông H2. Ngày 25/5/2004, hộ ông H2 nộp 30 triệu đồng cho UBND thị trấn P, lý do nộp: tiền cấp quyền sử dụng đất tái định cư. Số tiền này UBND thị trấn P đã nộp kho bạc (thể hiện tại trang 13, chứng từ số 81, ngày 25/5/2004, nhật ký sổ cái năm 2004, quyển số 1 của UBND thị trấn P). Ngày 16/6/2004, Ban giải phóng mặt bằng Quốc lộ 5 huyện K ban hành Thông báo số 25 về việc giao đất cho 13 hộ gia đình sử dụng đất hợp pháp bị thu hồi, diện tích không đủ điều kiện để xây dựng nhà ở (trong đó có hộ ông Vũ Đình H2). Ngày 20/6/2004 Phòng Địa chính huyện và UBND thị trấn P lập Biên bản bàn giao đất cho hộ ông Vũ Đình H2, diện tích 90,0m², thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 06, tỷ lệ 1/500 tại khu Đ, thị trấn P.

Xét thấy việc UBND thị trấn P, Phòng Địa chính huyện K đã giao đất tái định cư cho 13 hộ trong đó có 11 hộ được thông qua Hội đồng đăng ký đất đai thị trấn P xét duyệt và đề nghị giao đất, còn 02 hộ trong đó có hộ ông Vũ Đình H2 chưa được thông qua Hội đồng thị trấn P xét duyệt là không đảm bảo quy định. Sau khi nhận được đơn kiến nghị của Đảng viên Chi bộ 3 thôn A, ngày 30/7/2005 Tổ công tác huyện ủy K1 đã có Báo cáo kết quả xác minh và đã kiến nghị: *“Đối với hộ ông Vũ Đình H2 và hộ ông Nguyễn Văn K được UBND Thị trấn P và Phòng địa chính giao đất chưa qua Hội đồng quản lý đất đai Thị trấn P đề nghị nay chuyển về cho Hội đồng Thị trấn P xét theo quy định, nếu có đủ điều kiện giao đất tái định cư thì làm thủ tục đề nghị UBND huyện giữ nguyên quyết định”*.

Thực hiện kiến nghị của tổ công tác Huyện ủy K1, ngày 16/01/2006 Hội đồng đăng ký đất đai thị trấn P đã tổ chức xét duyệt cấp đất tái định cư cho 8 hộ trong đó có xét duyệt đối với hộ ông Vũ Đình H2. Như đã phân tích ở mục [2] thì diện tích đất còn lại của gia đình ông H2 là 75,9m² vẫn đảm bảo để xây dựng nhà ở, sau thu hồi hộ ông H2 tiếp tục sử dụng đất và đã xây nhà để ở mà không phải di chuyển ra chỗ ở mới do vậy kết quả xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai thị trấn P xác định hộ ông H2 không được cấp đất tái định cư là có căn cứ.

[3.1.3] Như vậy, mặc dù hộ ông H2 không đủ điều kiện được cấp đất tái định cư nhưng UBND huyện K vẫn căn cứ Quyết định số 627/QĐ-UBND để thu tiền sử dụng đất và giao đất tái định cư cho hộ ông H2 tại thửa số 107, tờ bản đồ số 6, diện tích 90m² tại khu Đ vào ngày 20/4/2006 (có Biên bản bàn giao đất) là trái quy định của pháp luật. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đề nghị hủy một phần Quyết định số 627 của UBND huyện K.

[3.2] Ngày 03/6/2009, UBND huyện K ban hành Quyết định số 343/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng Dự án khu dân cư Đ tại thị trấn P. Quá trình thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và tại phiên tòa, UBND huyện K và UBND thị trấn P đều xác định vị trí thửa đất gia đình ông H2 được bàn giao ngày

20/6/2004 nằm trong thửa số 61 và 62, tờ bản đồ số 6 (theo trích lục đo vẽ, chỉnh lý và bổ sung bản đồ địa chính năm 2003), loại đất ao nông nghiệp và đất thổ cư không hợp pháp, có nguồn gốc là đất công ích do UBND thị trấn P quản lý, không phải đất của gia đình ông H2, bà L. Kết quả xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai thị trấn P năm 2006 cũng xác định hộ ông H2 không đủ điều kiện được cấp đất tái định cư tại khu vực Đ, thị trấn P. Do vậy việc bà L khởi kiện buộc UBND huyện K thực hiện trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về thu hồi đất và bồi thường quyền sử dụng đất khi bị thu hồi đối với thửa số 107, tờ bản đồ số 06, diện tích 90m² (theo Biên bản bàn giao đất ngày 20/06/2004) là không có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà L thấy rằng: Tại khoản 11 Điều 17 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước quy định về phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính thì việc UBND huyện K ban hành Quyết định số 627, thu tiền sử dụng đất và giao đất tái định cư cho gia đình ông H2 là trái quy định của pháp luật, xác định lỗi thuộc về UBND huyện K nên UBND huyện K phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình bà L. Cụ thể, gia đình bà L đã phải nộp số tiền 30 triệu đồng để được giao đất tái định cư tại khu vực Đ, đã được bàn giao đất nhưng thực tế không được quản lý, sử dụng diện tích đất này và không được bồi thường khi nhà nước tiến hành thu hồi đất như các hộ khác có đất bị thu hồi, đây là thiệt hại thực tế đã phát sinh. Căn cứ theo Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 12/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh H sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất giai đoạn năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương thì thửa đất đã giao cho gia đình bà L là đất ở tại đô thị thuộc vị trí A, đường T, thị trấn P có giá tại thời điểm hiện nay là 20.000.000 đồng/1m². Căn cứ Điều 22, Điều 23 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, UBND huyện K phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình bà L với mức bồi thường thiệt hại bằng giá trị quyền sử dụng đất tại vị trí gia đình bà L được cấp đất tái định cư theo giá đất tại thời điểm hiện nay. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện chỉ yêu cầu UBND huyện K bồi thường cho gia đình bà L số tiền là 01 tỷ đồng. Xét thấy đề nghị của người khởi kiện là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện này.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận một phần nên bà L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Chủ tịch UBND huyện K không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND huyện K phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và không phải chịu án phí về yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại Nghị quyết số 326 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm c khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai năm 1993; Luật đất đai năm 1993 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 2001; Nghị định số 88/CP ngày 17 tháng 8 năm 1994 của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất đô thị; Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ; Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Luật Khiếu nại; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326 của UBTWQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác các yêu cầu khởi kiện của bà L về nội dung sau:

- Hủy Công văn số 2733/UBND-TNMT ngày 28/09/2023 của Chủ tịch UBND huyện K về việc “Trả lời đơn đề nghị của ông Vũ Đình H2 về hỗ trợ tái định cư”.

- Buộc UBND huyện K, tỉnh Hải Dương phải thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật về việc thu hồi đất và bồi thường quyền sử dụng đất khi bị thu hồi đối với thửa đất số 107 tờ bản đồ số 06, diện tích 90,0m²; địa chỉ: khu V, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L về nội dung sau:

- Hủy một phần Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 08/12/2003 của UBND huyện K liên quan đến việc giao đất cho gia đình bà Phạm Thị L.

- Chấp nhận sự tự nguyện của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện yêu cầu UBND huyện K phải bồi thường cho gia đình bà L số tiền là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng chẵn*).

- Buộc UBND huyện K phải bồi thường cho gia đình bà L số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng chẵn*).

3. Về án phí:

3.1. Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả bà L số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000516 ngày 15/3/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3.2. Chủ tịch UBND huyện K không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

3.3. UBND huyện K phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp pháp.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất